

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hoàn; bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến
Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ ngày
21/02/2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Văn N, sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Đường T, tổ 01, phường L, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái
Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là anh Lưu Văn N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Đoàn Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong kinh tế và tính cách không hòa hợp. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đoàn Thị H.

Anh và chị H có 01 con chung là Lưu Thị Kim N, sinh ngày 15/9/2018, hiện con đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con vì con còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của mẹ, con đang có cuộc sống ổn định, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Hiện tại anh là lao động tự do (kinh doanh bất động sản), thu nhập khoảng 20.000.000đ đến 25.000.000đ/tháng. Chị H là công nhân tại Công ty may S thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng, chị H có chỗ ở, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

Anh và chị H tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là chị Đoàn Thị H không trình bày lời khai, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị H cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Lưu Văn N và chị Đoàn Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh N và chị H chung sống tại thôn N một thời gian, sau đó anh N đi làm ăn ở tỉnh ngoài, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức địa phương phải can thiệp, nguyên nhân do đâu thì địa phương không rõ vì không ai có đơn đề nghị địa phương hòa giải. Việc anh N xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh N và chị H có 01 con chung như anh N đã trình bày là đúng, hiện nay con đang ở cùng chị H. Việc nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều

kiện, hoàn cảnh của từng người và phù hợp quy định của pháp luật để giao cho người đó, đảm bảo quyền lợi cho cháu. Hiện tại chị H đang làm việc tại Công ty S.

Về tài sản chung của anh N và chị H địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Lưu Văn N được ly hôn chị Đoàn Thị H.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lưu Thị Kim N, sinh ngày 15/9/2018; anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là chị Đoàn Thị H không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là anh Lưu Văn N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lưu Văn N và chị Đoàn Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong kinh tế và tính cách không hòa hợp. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh N và chị H là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Lưu Văn N được ly hôn chị Đoàn Thị H là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là Lưu Thị Kim N sinh ngày 15/9/2018, con đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh N đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy: Chị H có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, con đang có cuộc sống ổn định, con là con gái nên rất cần sự nuôi dưỡng và chăm sóc của chị Hiền để con phát triển bình thường về tâm sinh lý. Vì vậy, chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi của anh N.

[4] Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, chị H chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Lưu Văn N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lưu Văn N được ly hôn chị Đoàn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Lưu Thị Kim N, sinh ngày 15/9/2018; anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh N và chị H có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Lưu Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, chuyển số tiền 600.000 đồng anh N đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001555 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

